BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA MỘT SỐ ĐẢNG PHÁI CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM (1939-1945)

TS TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG

Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Ngày nhận:
6-8-2025
Ngày thẩm định, đánh giá:
7-9-2025
Ngày duyệt đăng:
7-10-2025

Tóm tắt: Chiến tranh thế giới II bùng nổ, Nhật Bản đảo chính Pháp, chiếm đóng Đông Dương; mối quan hệ cộng trị "Nhật - Pháp" và những chính sách kinh tế, chính trị, xã hội thời chiến khiến cho đời sống nhân dân Việt Nam vô cùng lầm than, cực khổ; mặt khác, đã tạo điều kiện cho sự ra đời và hoạt động của một số đảng phái chính trị, gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam. Trong tình hình đó, phong trào đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Việt Minh đã quy tụ được đông đảo quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, một bộ phận tầng lớp trí thức, trung lưu ở các thành thị đã nhóm lập một số tổ chức yêu nước với xu hướng cách mạng, ủng hộ tích cực cho phong trào giải phóng dân tộc.

Từ khóa:
Bối cảnh lịch sử; đảng phái chính trị; 1939-1945

1. Bối cảnh thế giới và tình hình Việt Nam

Ngày 1-9-1939, Chiến tranh thế giới II bùng nổ. Tại mặt trận châu Âu, tháng 6-1940, quân đội Pháp tuyên bố đầu hàng, chính phủ Pétain trở thành chính phủ bù nhìn dưới sự kiểm soát của Đức Quốc xã. Tại Đông Dương, Nhật Bản có dã tâm đối với mục tiêu quan trọng trong chiến lược bành trướng của mình[1]. Ngày 2-8-1940, Nhật yêu cầu Pháp chấp thuận cho quân đội Nhật vào Đông Dương. Tháng 9-1940, Nhật vượt qua biên giới Việt - Trung, đánh chiếm Lạng Sơn, ném bom Hải Phòng, chính thức xác lập ách thống trị của Nhật ở Đông Dương; đồng thời ép buộc Pháp ký các nhượng bộ, hiệp ước trao cho Nhật nhiều đặc quyền ở Đông Dương. Trước tình hình đó, Pháp buộc phải chấp nhận các yêu sách của Nhật, dựa vào Nhật để duy trì địa vị của Pháp ở Đông Dương, đồng thời đàn áp phong trào cách mạng của dân chúng. Đến cuối năm 1941, Đông Dương đã trở thành căn cứ quân sự của Nhật. Việt Nam chịu hai tầng cai trị của phát xít Nhật và thực dân Pháp.

Sau khi chiếm đóng Đông Dương, Nhật sử dụng chính quyền thực dân Pháp như một công cụ nhằm đàn áp phong trào cách mạng; vơ vét, bóc lột sức người, sức của ở Đông Dương để phục vụ cho cuộc chiến tranh; đặc biệt, Nhật muốn che dấu bản chất phát xít, xâm lược của mình để đóng vai

"người giải phóng" nhân dân Đông Dương. Nhật tiến hành mọi biện pháp tuyên truyền cho tư tưởng Đại Đông Á và chú trọng xây dựng cơ sở xã hội. Từ năm 1942, Nhật đã phục hồi các tổ chức thân Nhật ở Việt Nam vốn đã bị thực dân Pháp đàn áp trong những năm 1940-1941 như Phục Quốc, Cao Đài, Hòa Hảo..., giúp đỡ các nhóm Đại Việt dân chính, Đại Việt quốc xã,... dung dưỡng cho các tổ chức mới thành lập như Đại Việt phục hưng hội, Đại Việt quốc gia liên minh. Dựa vào nhóm các đảng phái trên, Nhật âm mưu sẽ được tiếp thêm sức mạnh để lật đổ chính quyền thực dân Pháp lúc cần thiết. Sau đảo chính ngày 9-3-1945, các đảng phái chính trị thân Nhật càng hy vọng vào lời hứa hẹn Nhật sẽ trao trả độc lập cho Việt Nam, nhiều đảng phái thân Nhật tiếp tục ra đời.

Trước tình hình trên, thực dân Pháp ở Đông Dương, một mặt cam chịu khuất phục, nhượng bộ, thực hiện các yêu sách của quân phiệt Nhật, mặt khác ngấm ngầm chuẩn bị lực lượng chờ cơ hội lật đổ Nhật. Pháp khuyến khích các nhóm hội thân Pháp hoạt động và tranh thủ sự ủng hộ của giới thượng lưu Đông Dương, cho họ tham gia những chức vụ quản lí và thừa hành, ràng buộc họ trung thành với nước Pháp. Được sự khuyến khích, dung dưỡng của thực dân Pháp, các nhóm thân Pháp hoạt động tích cực. Nhóm Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi đã yêu cầu Pháp tăng quyền cho vua quan bản xứ để chống lại các tổ chức thân Nhật. Nhóm Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu, ra sức tuyên truyền khẩu hiệu "cách mạng quốc gia", "Pháp - Việt phục hưng" của chính phủ Pétain. Mặt khác, chính quyền thực dân Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng Việt Nam. Những quyền tự do, dân chủ ít ỏi của nhân dân Việt Nam đã giành được trong những năm 1936-1939 đều bị chính quyền thực dân thủ tiêu. Toàn quyền Pháp ra nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đóng cửa các tờ báo và nhà sản xuất, cấm hội họp và tụ tập đông người. Từ cuối tháng 9 đến đầu tháng 11-1939, chính quyền thực dân Pháp đã khủng bố gắt gao phong trào cách mạng, nhiều cơ sở đảng bị tổn thất nặng nề. Nhiều nơi hệ thống tổ chức của Đảng bị phá vỡ, đảng viên và quần chúng bị bắt nhiều, không thể khôi phục lại. Ở một số tỉnh như Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng đến các tổ chức cơ sở cũng bị thiệt hại nặng nề, mất hẳn liên lạc với hệ thống tổ chức của Đảng[2]. Như vậy, trong giai đoạn này, ở Việt Nam, sự tồn tại đồng thời của cả thực dân Pháp và quân phiệt Nhật, những chính sách về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cùng âm mưu nhằm ngấm ngầm chuẩn bị lực lượng, tăng cường tiềm lực, chống phá đối phương của chúng đã khiến cho xã hội Việt Nam phân hóa sâu sắc, tạo điều kiện cho một số đảng phái chính trị thân Nhật, thân Pháp ra đời và hoạt động trong giai đoạn 1939-1945. Bên cạnh đó, trước bối cảnh lịch sử rối ren, lầm than, cực khổ của thân phận người dân nô lệ, ngoài các giai tầng đi theo cách mạng, tầng lớp trí thức cùng một bộ phận tầng lớp trung lưu ở thành thị có tinh thần yêu nước đã nhóm lập một số tổ chức yêu nước với xu hướng cách mạng.

2. Sự ra đời của một số đảng phái chính trị ở Việt Nam giai đoạn 1939-1945

Dưới tác động của tình hình quốc tế và trong nước, trong những năm 1939-1945, ở Việt Nam đã xuất hiện mới và phục hưng một số các đảng phái chính trị. Có thể kể đến một số đảng phái tiêu biểu ra đời và hoạt động như sau:

Đảng phái thân Nhật: Sau khi chiếm đóng Đông Dương, quân phiệt Nhật tích cực tuyên truyền cho học thuyết Đại Đông Á của "người anh cả da vàng". Chính học thuyết ấy cùng những biện pháp che đậy bộ mặt phát xít, xâm lược của Nhật đã làm hồi sinh trở lại tư tưởng thân Nhật, dựa vào Nhật để giành lại độc lập vốn đã sụp đổ từ sau thất

bại của phong trào Đông Du. Tuy nhiên, các đảng phái thân Nhật lại yếu cả về thế và lực, cho nên, Nhật đã dung dưỡng cho các hội, nhóm chức sắc tôn giáo nhiều hơn là các đảng thân Nhật: "Người Nhật tìm thấy nhiều bạn trong số các tổ chức tôn giáo hơn là trong các đảng chính trị bí mật và các nhóm xuất bản"[3].

Đại Việt Phục quốc hội là tổ chức thân Nhật ở Trung Kỳ được thành lập khoảng cuối năm 1941, đầu năm 1942, đứng đầu là Ngô Đình Diệm với thành phần chủ yếu là nhân sĩ, trí thức, sĩ quan người Việt trong quân đội thuộc địa, chủ trương lợi dụng quân đội Nhật để chống Pháp[4]. Tuy nhiên, phương thức tổ chức của hội nghiêng về một phong trào chính trị hơn là một đảng cách mạng chặt chẽ vì không có một hệ thống tổ chức với cơ cấu và chức năng rõ ràng, không có chủ thuyết chỉ đạo cũng như không có một sách lược đấu tranh với các kế hoạch nhất định. Tại các tỉnh, và đặc biệt tại Huế, bất cứ ai đồng ý chung chung với chủ trương thân Nhật và kính phục Ngô Đình Diệm đều có thể gia nhập phong trào[5]. Những hoạt động vận động chính trị của Ngô Đình Diệm không mang lại kết quả. Đại Việt Phục quốc hội và Ngô Đình Diệm luôn ảo tưởng vào sức mạnh của Nhật Bản, mong dựa vào Nhật để lập nên chính phủ của riêng mình. Tuy nhiên, sau khi Nhật đảo chính Pháp, "lá bài Ngô Đình Diệm và giải pháp Cường Để" đã bị người Nhật xóa bỏ sau đảo chính, Ngô Đình Diệm hoàn toàn chán nản, các hoạt động của nhóm hội gần như kết thúc.

Tại Bắc Kỳ, *Đại Việt Quốc dân Đảng* (gọi tắt là Đảng Đại Việt) là tổ chức do Trương Tử Anh thành lập chính thức từ cuối năm 1939, lấy chủ nghĩa "dân tộc sinh tồn" làm nền tảng tư tưởng[6]. Mục đích hoạt động của Đảng Đại Việt trong bản tuyên ngôn là tập hợp tất cả các phần tử ưu tú các giới trong nước, lập nên một đảng có sức mạnh hùng hậu nhằm mục tiêu thực hiện nền độc lập hoàn toàn và vì hạnh phúc chung của toàn dân mà xây dựng nên một quốc gia giàu mạnh. Đảng chủ trương thành tâm giao hảo với những nước nào giúp đỡ đảng thực hiện mục đích trên và sẽ coi là kẻ thù với nước nào có hành động trái ngược. Đảng Đại Việt hoạt động mạnh mẽ và có hiệu quả nhất ở Bắc Kỳ, ảnh hưởng lớn trong tầng lớp trẻ, trí thức, học sinh, sinh viên. Nhờ công tác tuyên truyền, Đảng đã mở rộng hệ thống tổ chức trong các trường học ở Hà Nội, bao gồm cả các trường đại học, cao đẳng và trung học. Tại Hà Nội và một số tỉnh lân cận, nhiều đoàn học sinh, sinh viên đã biểu tình bênh vực cho đồng bào trong những vụ khủng bố, đàn áp của chính quyền thực dân, thậm chí còn có vụ xô xát nhằm trừng phạt tay sai hống hách, bắt nạt đồng bào. Mặc dù có hệ tư tưởng chính trị riêng, có hệ thống tổ chức khá chặt chẽ ở cả ba kỳ, số đảng viên và quần chúng đông đảo nhưng vì không có chương trình hành động cụ thể, không có phương pháp đấu tranh, nên Đại Việt Quốc dân Đảng không phát động được phong trào đấu tranh nào đáng kể và dễ dàng ngả theo phe Nhật Bản và trở thành đảng thân Nhật để theo đuổi mục tiêu dựa vào Nhật Bản để lấy lại đất nước từ tay thực dân Pháp. Càng về sau, Đại Việt Quốc dân Đảng càng chuyển hóa mạnh mẽ và trở thành một đảng phản động, luôn đối đầu với Đảng Cộng sản.

Năm 1944, *Đại Việt Quốc gia Liên minh Đảng* được thành lập trên cơ sở kết hợp Đại Việt Quốc xã Đảng (của Nguyễn Xuân Tiếu), Đại Việt Duy dân Cách mạng Đảng (của Lý Đông A) và Đại Việt Dân chính Đảng (của Nguyễn Tường Tam). Mục đích của Đại Việt Quốc gia Liên minh Đảng là liên kết với Nhật để đánh Pháp. Về sau, Tân Việt Nam Quốc dân Đảng (do Nhượng Tống lãnh đạo) và Đại Việt Quốc dân Đảng (của Trương Tử Anh) cũng gia nhập liên minh này. Sau khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Đại Việt Quốc gia

Liên minh đứng ra lập Ủy ban Chính trị Bắc Kỳ mong tiếp quản quyền điều hành từ tay người Nhật nhưng thất bại do chính phủ Nhật đã cho duy trì thể chế quân chủ của triều đình nhà Nguyễn và ủy thác cho Trần Trọng Kim lập chính phủ mới. Đại Việt Quốc gia Liên minh Đảng không thống nhất được quan điểm, các đảng viên được huy động từ các căn cứ về chuẩn bị giành chính quyền cũng lần lượt rút lui. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, Đại Việt Quốc gia Liên minh đã tan rã vì các đảng thành viên không nhất trí quan điểm hành động trong giai đoạn mới.

Như vậy, các đảng phái thân Nhật đều ảo tưởng vào sức mạnh của Nhật Bản, tất cả họ, về cơ bản đều thất bại trong tham vọng giành quyền lực chính trị ở Việt Nam trước phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo.

Đảng phái thân Pháp: Trong số các đảng phái chính trị thân Pháp, *Đảng Lập hiến* là tổ chức chính trị nổi bật đại diện cho lợi ích của giai cấp tư sản Nam Kỳ, ra đời từ đầu thập niên 20 của thế kỷ XX. Vào thời điểm năm 1940, khi vấn đề dân tộc được đặt ra gay gắt, Đảng Lập hiến vẫn cho rằng Đông Dương chưa thể giành được độc lập vì chưa thể tự bảo vệ mình nếu thiếu người Pháp[7]. Sau khi Chiến tranh thế giới II bùng nổ, Đảng Lập hiến thể hiện thái độ đồng tình đối với những biện pháp đàn áp của chính quyền Catroux nhằm vào Đảng Cộng sản Đông Dương và tuyên bố: "Chúng tôi tuyên bố là chúng tôi chỉ muốn phục vụ nước Pháp... Nước Pháp có thể tin cậy được vào tấm lòng trung thành của chúng tôi"[8]. Tuy nhiên, Đảng Lập hiến bị phân hóa vì mâu thuẫn nội bộ khiến uy tín và ảnh hưởng ngày càng suy giảm. Sau khi Nhật vào Đông Dương, Đảng Lập hiến đã mất ảnh hưởng trên vũ đài chính trị. Trong cuộc bầu cử năm 1939, các ứng cử viên của Đảng Lập hiến đều thất cử, đánh dấu thời kỳ suy thoái và mất bóng trên chính trường. Năm 1942, tờ *La Tribune Indochinoise* (Diễn đàn Đông Dương) và một số tờ báo khác bị đóng cửa. Sự kiện này đánh dấu sự tan rã của Đảng Lập hiến.

Đảng phái thân Trung Hoa dân quốc của Tưởng Giới Thạch: Tháng 9-1940, quân Nhật vượt biên giới đánh vào Lạng Sơn; Pháp nhanh chóng thất bại, buộc phải chấp nhận quan hệ cộng trị với Nhật. Để đối phó với âm mưu bành trướng của phát xít Nhật, liên minh quân Mỹ - Trung Hoa dân quốc quyết định mở mặt trận phía Nam, lực lượng đồng minh Quốc dân Đảng hiện thực hóa tham vọng của mình đối với Việt Nam. Trương Phát Khuê được giao nhiệm vụ chuẩn bị kế hoạch "Hoa quân nhập Việt" bao gồm cả việc thành lập một tổ chức chính trị của người Việt thân Tưởng. Nhân ngày lễ Song Thập (10-10), Trương Phát Khuê đã triệu tập đại diện các đảng phái dân tộc chủ nghĩa đến Liễu Châu (Trung Quốc) và thành lập "Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội" do Nguyễn Hải Thần làm Chủ tịch[9]. Tuy nhiên, việc thành lập tổ chức này không chấm dứt được sự ganh đua giữa các đảng phái dân tộc chủ nghĩa An Nam tị nạn ở Trung Quốc cũng như không mang lại kết quả mà Trung Quốc mong đợi trong lĩnh vực tình báo về quân đội Nhật Bản ở Đông Dương.

Trong thời gian tại Quảng Tây, Hồ Chí Minh đã tham gia Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội với tư cách là Phó Chủ tịch hội và những người cộng sản đã có ảnh hưởng nhất định đến Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội[10]. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội đã tham gia Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nguyễn Hải Thần giữ chức Phó Chủ tịch nước. Tuy nhiên, giữa Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội và Việt Minh có những bất đồng về chiến lược, mục tiêu và những mâu thuẫn nội bộ trong Việt Nam Cách mạng

Đồng minh hội cũng làm suy yếu tổ chức này. Càng về sau, Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội càng bị phân hóa, chia rẽ. Sau khi quân đội Tưởng Giới Thạch rút khỏi Việt Nam, lực lượng Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội suy yếu dần, nhiều lãnh đạo ra nước ngoài, một số thành viên tham gia vào các tổ chức chống Việt Minh, trở thành lực lượng phản động.

Đảng phái có xu hướng dân tộc, cách mạng: Trong bối cảnh và điều kiện lịch sử xã hội Việt Nam những năm 1939-1945, bên cạnh những hội, nhóm, đảng phái thân Nhật, thân Pháp và thân Tưởng, các tầng lớp trí thức, sinh viên, viên chức và một số người thuộc các tầng lớp trung lưu khác ở thành thị đã có những chuyển biến về tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc và khả năng tham gia đấu tranh chống đế quốc, phong kiến. Tại Việt Nam đã hình thành một số nhóm trí thức, trong đó tiêu biểu là nhóm của Dương Đức Hiền. Ông tốt nghiệp ngành Luật tại Viện Đại học Đông Dương, tích cực hoạt động xã hội và đã quy tụ nhiều trí thức yêu nước tốt nghiệp các trường Đại học Luật, Y, Dược, Khoa học, Nông Lâm và trong Tổng hội Sinh viên Đông Dương. Mục tiêu chung của nhóm là tìm ra con đường đấu tranh giải phóng dân tộc. Hoạt động của nhóm trong những năm 1941-1943 đã góp phần khơi gợi lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc rộng rãi trong giới trí thức, sinh viên, học sinh, viên chức, tư sản dân tộc, ảnh hưởng tích cực đến phong trào cách mạng chung của cả nước. Sau khi Mặt trận Việt Minh ra đời, Đảng Cộng sản Đông Dương thông qua Mặt trận thực hiện chủ trương vận động trí thức, tư sản dân tộc và các tầng lớp trung gian ở thành thị ủng hộ Mặt trận. Đảng đã cử cán bộ đến gặp gỡ, giới thiệu chương trình hoạt động, điều lệ tổ chức của Mặt trận Việt Minh, vận động nhóm trí thức của Dương Đức Hiền tham gia ủng hộ Mặt trận, đoàn kết với những người cộng sản, với công nông, dùng bạo lực đánh đuổi Nhật, Pháp, giải phóng cho dân tộc[11].

Ngày 30-6-1944, *Đảng Dân chủ Việt Nam* chính thức được thành lập. Ban đầu Đảng lấy tên là Việt Nam Dân chủ Đảng (sau đổi tên là Đảng Dân chủ Việt Nam). Cương lĩnh, Chương trình hành động, Điều lệ đầu tiên của Đảng trên cơ sở tư tưởng liên minh với các lực lượng cách mạng để tranh đấu cho độc lập dân tộc và xây dựng chế độ dân chủ mới. Tuy còn sơ lược nhưng Cương lĩnh, Chương trình hành động đầu tiên của Đảng đã xác định rõ mục tiêu đấu tranh cơ bản là: Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do, Dân sinh hạnh phúc, phù hợp nguyện vọng của mọi tầng lớp yêu nước, tiến bộ lúc bấy giờ. Tổ chức hoạt động của Đảng đã nhanh chóng gây được ảnh hưởng, nhất là các tầng lớp trung gian ở thành phố và thị xã. Đầu tháng 7-1944, Đảng Dân chủ Việt Nam gia nhập Mặt trận Việt Minh, tham gia trực tiếp vào phong trào giải phóng dân tộc của quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đánh đổ Nhật, Pháp, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho đất nước.

Trong những năm 1939-1945, xã hội Việt Nam chứng kiến sự phân hóa sâu sắc của những *đảng phái chính trị phi vô sản*. Dù tổ chức và mức độ uy tín của các tổ chức đảng phái này trong quần chúng có khác nhau nhưng điểm chung của hầu hết những đảng phái chính trị là sự yếu kém về lực lượng và nghèo nàn về lý luận, chủ yếu dựa vào các thế lực bên ngoài, phân hóa thành những phe nhóm thân Nhật, thân Pháp hay thân Tưởng. Về chính trị, các đảng phái không có đường lối đấu tranh độc lập mà hầu hết đều nương dựa vào thế lực bên ngoài hòng giành thắng lợi; thiếu hoặc rất ít quần chúng cần lao hưởng ứng vì đường lối đấu tranh của các đảng phái này khá mơ hồ cũng như không có phương pháp vận động quần chúng thích hợp. Các đảng phái đa số đều mất đoàn kết trong nội bộ tổ chức và với các đảng phái khác, nên không gây dựng được

uy tín trong cuộc đấu tranh chống thực dân phong kiến. Một số đảng phái thân Nhật ảo tưởng có thể dựa vào Nhật để lập chính quyền, bị phân hóa và đi ngược lại với phong trào cách mạng. Lực lượng thân Pháp có thế lực nhất là Đảng Lập hiến ngày một suy yếu do không đưa ra được thêm bất cứ chủ trương gì mới so với chính họ trước năm 1930 và sự quay lưng của người Pháp. Khuynh hướng dân tộc kháng Pháp hoạt động tại Trung Quốc lại thiếu thống nhất và thiếu vận động quảng bá trong quần chúng quốc nội, cuối cùng bị lợi dụng và dần rời xa con đường cứu nước chân chính. Bên cạnh đó cũng có một số nhóm, đảng phái của tầng lớp nhân sĩ, trí thức yêu nước có tinh thần dân tộc ra đời và hoạt động vì mục tiêu giải phóng dân tộc, sau này đã tham gia vào Mặt trận Việt Minh cùng quần chúng giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tiêu biểu là Đảng Dân chủ Việt Nam.

Thực tiễn cách mạng cho thấy, cho tới tháng 8-1945, không chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương mà còn có rất nhiều lực lượng chính trị khác, nhưng duy nhất chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh mới chứng tỏ được vai trò lãnh tụ chính trị duy nhất của quần chúng đủ sức lãnh đạo quần chúng chớp thời cơ, giành chính quyền trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Trong quá trình vận động đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản Đông Dương luôn đặt lợi ích dân tộc là tối thượng, quyền lợi của đảng phái, tổ chức hay giai cấp, không thể mâu thuẫn với lợi ích dân tộc; luôn củng cố khối đại đoàn kết dân tộc với phương châm đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công cho nên dù tổ chức cách mạng (Đảng và Mặt trận) thường xuyên bị thực dân Pháp, quân phiệt Nhật khủng bố nhưng vẫn đứng vững để chèo lái con thuyền cách mạng đi đến thành công. Như vậy, thực tế đã chứng minh: chỉ có lực lượng chính trị nào thực sự vì lợi ích dân tộc và tự do của quần chúng mới giành được sự ủng hộ của nhân dân, mới tạo được khối đoàn kết toàn dân, vượt qua được mọi khó khăn, thử thách của lịch sử để đứng vững, giành và giữ quyền lãnh đạo.

Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ "*Các đảng phái chính trị ở Việt Nam giai đoạn 1939-1945*" (VSH/NV/2025-11)

1. Đông Dương có vị trí thuận lợi, phù hợp làm bàn đạp mở rộng xâm lược các nước; là nguồn dự trữ chiến lược quan trọng về lương thực, thực phẩm, năng lượng và các tài nguyên khác phục vụ nhu cầu chiến tranh của quân đội Nhật

2. Phạm Hồng Tung: *Lịch sử cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H, 2013, tr. 79

3. David Marr: *Vietnam 1945: The Quest for Power*, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1995, tr. 83

4. *Contrôle de l'activité des partis politiques au Tonkin*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Phông Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, Hồ sơ số 78929

5. Hoành Linh Đỗ Mậu: *Tâm sự tướng lưu vong (Việt Nam máu lửa quê hương tôi)*, Nxb Công an nhân dân, H, 2001, tr. 31

6. Nguyễn Ngọc Huy: *Lịch sử các học thuyết chính trị*, Nxb Cấp Tiến, Sài Gòn, 1971, T. 2, tr. 222

7. Megan Cook: *The Constitutionalist Party in Cochinchina: The years of decline, 1930-1942*, Centre of Southeast Asian Studies, Monash University, Australia, 1977, tr. 115

8. La Dépêche de l.C số ra ngày 10-10-1939, dẫn theo Phạm Hồng Tung: *Lịch sử cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H, 2013, tr. 66

9, 10. *Activités de certains partis politiques vietnamiens depuis Mai 1941 et événements d'Indochine du 9-3-1945 au 31-12-1946*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Phông Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, Hồ sơ số 69687

11. Ban Nghiên cứu, sưu tầm biên soạn lịch sử Đảng Dân chủ Việt Nam: *Bốn mươi tư năm hoạt động và cống hiến của Đảng Dân chủ Việt Nam*, 1988. Bản đánh máy, Kho lưu trữ Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.